

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2023/HS-ST  
Ngày 10 -11- 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Phạm Thế Chiến

2/ Ông Đặng Văn Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà H Đok Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh ngày: 14/7/1992, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn ÊCăm, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Xuân K (đã chết) và bà Phạm Thị G; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 20/02/2020 bị Công an thị trấn B, huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 23/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 1.500.000đồng. Ngày 21/02/2020 Nguyễn Xuân T đã chấp hành xong quyết định xử phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1/. Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1983; trú tại: Số nhà D Ấp T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang – vắng mặt.

2/. Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Số A đường D, phường T, TP ., TP .; Tạm trú: Số C V, phường L, thành phố T, TP . Hồ Chí Minh- vắng mặt.

3/. Anh Trần Anh Nhân P, sinh năm 1996; trú tại: B N, TDP E, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; trú tại số H H, phường A, quận T, TP Hồ Chí Minh - vắng mặt.

2/ Anh Trần Văn Anh P1, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Số B N, TDP E, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Tạm trú: Số A đường L, Quận B, TP . Hồ Chí Minh- vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 03/12/2022, do có nhu cầu vay vốn tại ngân hàng nên chị Nguyễn Thị Ngọc C đến gặp ông Nguyễn Văn H (là bạn của chị C và Võ Thanh T1) để nhờ tìm người có thể làm hồ sơ vay vốn. Đến ngày 04/12/2022, H dẫn chị C đến gặp ông Võ Thanh T1, để nhờ ông T1 giúp chị C liên hệ vay vốn tại ngân hàng với số tiền 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Lúc này, ông T1 gọi điện thoại nhờ Nguyễn Xuân T giúp chị C làm hồ sơ vay 20.000.000.000 đồng thì Nguyễn Xuân T đồng ý, ông T1 lấy số điện thoại 0972592392 (của T) đưa cho chị C liên hệ. Sau đó, chị C kết bạn Z với T và gọi điện thoại nói chuyện. Khi nói chuyện, Thân tự giới thiệu đang làm Trưởng phòng tín dụng khối doanh nghiệp tại Ngân hàng V, chi nhánh C1 nên sẽ tác động để giúp chị C làm hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng V với số tiền 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ). Thân yêu cầu chị C chuyển cho T số tiền 33.575.000 đồng để T làm hồ sơ. Cùng ngày 04/12/2022, chị C đã sử dụng điện thoại, chuyển 33.757.000 đồng từ tài khoản ngân hàng E, số tài khoản 152210301000057 (của chị C) đến tài khoản ngân hàng S số 14021992 của Nguyễn Xuân T. Sau đó, T đã nhiều lần yêu cầu chị C chuyển tiền cho T để làm hồ sơ vay tiền, chị C đã chuyển cho T nhiều lần với tổng số tiền 190.700.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Do không được vay vốn nên chị C đã tìm hiểu và biết Thân không phải là Trưởng phòng tín dụng khối doanh nghiệp tại Ngân hàng V, chi nhánh C1, chị C nhiều lần yêu cầu Thân trả lại tiền cho chị C nhưng T không trả. Do đó, chị C đã làm đơn tố cáo hành vi của Nguyễn Xuân T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để xử lý theo quy định của pháp luật. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2023, Nguyễn Xuân T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Nguyễn Xuân T khai nhận trước đó T đã chiếm đoạt tiền của anh Trần A Nhân Phước và ông Võ Thanh T1, cụ thể như sau:

Vào tháng 10 năm 2022, thông qua mạng xã hội Facebook, T làm quen với anh Trần Văn Anh P1 (anh trai của Trần Anh Nhân P). Khi đó, T nói dối với P1 là “Thân đang làm Trưởng phòng tín dụng khối doanh nghiệp tại Ngân hàng V chi nhánh C1”. Nên anh P1 đã nhờ T làm hồ sơ cho Trần A Nhân Phước vay tại ngân hàng V số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu). Sau đó, T đã nhiều lần đề nghị P chuyển tiền cho T để T làm hồ sơ vay vốn ngân hàng. Trong tháng 11 và tháng 12/2022, P đã chuyển cho T tổng số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì

T đã tiêu xài cá nhân hết. Đến cuối tháng 12/2022, T đã trả lại cho P số tiền 7.000.000 đồng.

Vào tháng 11 năm 2022, ông Võ Thanh T1 có nhu cầu cần vay ngân hàng để làm ăn, nên Trần Anh Nhân P (bạn của ông T1) đã giới thiệu T cho ông T1, để nhờ T làm hồ sơ vay giúp ông T1 số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu). Sau đó, ông T1 gọi điện thoại nhờ Thân giúp, thì T tiếp tục nói dối ông T1 là T đang làm Trưởng phòng tín dụng khối doanh nghiệp tại Ngân hàng V, chi nhánh C1, nên sẽ giúp ông T1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng tại ngân hàng V, rồi nói ông T1 chuyển tiền cho T để T làm hồ sơ vay vốn ngân hàng. Sau đó, trong tháng 12/2022, ông T1 đã nhiều lần chuyển tiền cho T, với tổng số tiền là 14.000.000 đồng, sau khi nhận được tiền thì T không sử dụng vào mục đích làm hồ sơ vay vốn ngân hàng như đã hứa, mà tiêu xài cá nhân hết. Đến vào cuối tháng 12/2022, T đã trả lại cho ông T1 số tiền 12.000.000 đồng, hiện Thân vẫn chiếm đoạt của ông T1 số tiền 2.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, kiểu máy CPH2407, trong máy có lắp một sim số 0972592392 của Nguyễn Xuân T. Quá trình điều tra xác định đây không phải là chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Xuân T sử dụng làm công cụ phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, để đảm bảo cho công tác truy tố, xét xử và thi hành án, cần tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T trả lại số tiền 224.275.000 đồng mà T đã chiếm đoạt của chị C. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc C.

Ông Võ Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T trả số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt.

Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 8 (tám) năm đến 9 (chín) năm tù.

**\*Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các Điều 584, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T trả lại số tiền 224.275.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C; Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền còn lại 204.275.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chấp nhận việc ông Võ Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, kiểu máy CPH2407, trong máy có lắp một sim Viettel số 0972592392 của Nguyễn Xuân T. Quá trình điều tra xác định đây không phải là chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Xuân T sử dụng làm công cụ phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, trong thời gian từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Xuân T đã có hành vi gian dối giới thiệu mình là Trưởng phòng tín dụng khối Doanh nghiệp, làm việc tại ngân hàng V, chi nhánh C1, thành phố Hồ Chí Minh, có khả năng giải quyết thủ tục, hồ sơ để vay vốn ngân hàng để chiếm đoạt của anh Trần A Nhân Phước số tiền 7.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Võ Thanh T1 số tiền là 14.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 224.275.000 đồng. Tổng số tiền mà Nguyễn Xuân T đã chiếm đoạt của các bị hại là 245.257.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm năm bảy ngàn đồng). Hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân T đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài*

sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố đối với bị cáo Nguyễn Xuân T là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

**Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 đến 15 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”...*

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của bị hại, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị trừng trị thích đáng, tuy nhiên xuất phát từ ý thức xem thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài một cách bất chính nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Anh Nhân P, ông Võ Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Ngọc C với tổng số tiền là 245.257.000 đồng. Vì vậy, bị cáo hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình gây ra.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại gồm anh Trần Anh Nhân P, ông Võ Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Ngọc C. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, và tự thú về hành vi phạm tội trước đó, bồi thường một phần thiệt hại để khắc phục hậu quả; bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta đối với người phạm tội.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5]. Các biện pháp tư pháp:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T trả lại số tiền 224.275.000 đồng đã chiếm đoạt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Xuân T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C nên cần buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 204.275.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chấp nhận việc ông Võ Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, kiểu máy CPH2407, trong máy có lắp một sim Viettel số 0972592392 của Nguyễn Xuân T. Quá trình điều tra xác định đây không phải là chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Xuân T sử dụng làm công cụ phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cần tuyên trả cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[1]. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 8 (tám ) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/5/2023.

[2]. Các biện pháp tư pháp:

[2.1]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc C yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T trả lại số tiền 224.275.000 đồng (Hai trăm hai mươi tư triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Xuân T đã nộp số tiền 20.000.000 đồng (*theo biên lai thu tiền số 0004631 ngày 12/10/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana*) để bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc C số tiền 204.275.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Chấp nhận việc ông Võ Thanh T1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng.

[2.2]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Xuân T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, kiểu máy CPH2407, màu đen, trong máy lắp một sim Viettel số 0972592392 của Nguyễn Xuân T không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

*(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/10/2023 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Ana).*

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Xuân T.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Ana;
- CCTHADS huyện Krông Ana;
- THA phạt tù huyện Krông Ana;
- Bị cáo, Đương sự;
- Lưu HS+ VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Trúc**

